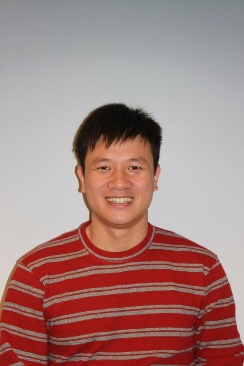
|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM | *Mẫu: 01-LLKH* |

****

**LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN**

**1.**Họ và tên: Chu Tuấn Thịnh

**2.**Năm sinh: 1984..................................................... **3.**Nam/Nữ: Nam

**4.**Học hàm:............................. Năm được phong học hàm:.............................

Học vị: Tiến sỹ.................... Năm đạt học vị: 2019

**5.**Chức danh nghiên cứu: Giảng viên...................... Chức vụ:..........................................................

**6.** Địa chỉ nhà riêng: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

**7.**Điện thoại:CQ: ................................  ; NR:  ................................ ; Mobile: ...............................

**8.** Fax: ...................................................................... Email: [ctthinh@vnua.edu.vn](mailto:ctthinh@vnua.edu.vn)

**9. Tổ chức - nơi  làm việc của cá nhân**:

Tên tổ chức: **Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

Tên người Lãnh đạo: **GS. TS. Nguyễn Thị Lan, Giám đốc Học viện**

Điện thoại người Lãnh đạo: 04.626.177.55

Địa chỉ tổ chức: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội

**10. Quá trình đào tạo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bậc đào tạo** | **Nơi đào tạo** | **Ngành/Chuyên ngành** | **Năm tốt nghiệp** |
| Đại học | ĐH Queensland, Úc | Nông nghiệp (Chăn nuôi) | 2009 |
| Thạc sỹ | ĐH Queensland, Úc | Chăn nuôi | 2014 |
| Tiến sỹ (Bằng kép) | ĐH Aarhus, Đan Mạch | Di truyền | 2019 |
| Tiến sỹ (Bằng kép) | ĐH Wageningen, Hà Lan | Khoa học (Di truyền) | 2019 |

**11. Quá trình công tác**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian**  **(*Từ năm ...***  ***đến năm...*)** | **Vị trí công tác** | **Tổ chức công tác** | **Địa chỉ Tổ chức** |
| 2010 – nay | Giảng viên | Khoa Chăn nuôi, HV Nông nghiệp VN | Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam |
| 2019 – nay | Nghiên cứu viên hậu Tiến sỹ (Postdoctoral Researcher) | Trung tâm Di truyền số lượng và nghiên cứu genome, ĐH Aarhus | Blichers Allé 20, 8830 Tjele, Đan Mạch |
| 2018 – 2019 | Trợ lý nghiên cứu (Research Assistant) | Trung tâm Di truyền số lượng và nghiên cứu genome, ĐH Aarhus | Blichers Allé 20, 8830 Tjele, Đan Mạch |

**12. Các công trình công bố**(liệt kê các công trình đã công bố)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên công trình  (*bài báo, công trình...*) | Là tác giả hoặc là đồng tác giả | Nơi công bố  (*tên tạp chí đã đăng công trình*) | Năm công bố |
|  | ***Tạp chí, sách*** |  |  |  |
| 1 | Impact of phenotypic information and composition of reference population on genomic prediction in fish under the presence of genotype by environment interaction | Đồng tác giả | Aquaculture. Vol. 526. doi:10.1016/j.aquac ulture.2020.735358 | 2020 |
| 2 | Genetic analysis on body weight at different ages in broiler chicken raised in commercial environment | Đồng tác giả | Journal of Animal Breeding and Genetics. Vol. 137:245-259. doi:10.1111/jbg.12448 | 2020 |
| 3 | Optimized grouping to increase accuracy of prediction of breeding values based on group records in genomic selection breeding programs | Đồng tác giả | Genetics Selection Evolution. Vol. 51:64. doi:10.1186/s12711-019-0509-z | 2019 |
| 4 | Use of genomic information to exploit genotype by environment interactions for body weight of broiler chicken in bio-secure and production environments | Đồng tác giả | Genetics Selection Evolution. Vol. 51:50. doi:10.1186/s12711-019-0493-3 | 2019 |
| 5 | Genotype by environment interactions in poultry breeding programs | Tác giả | PhD thesis, Aarhus University, Denmark and Wageningen University, the Netherlands ISBN: 978-94-6395-209-5 doi:10.18174/506477 | 2019 |
| 6 | Benefits of testing in both bio-secure and production environments in genomic selection breeding programs for commercial broiler chicken | Đồng tác giả | Genetics Selection Evolution. Vol. 50:52. doi:10.1186/s12711-018-0430-x | 2018 |
| 7 | On farm observations to increase genetic gain in breeding schemes for village poultry production – A simulation study | Đồng tác giả | Acta Agriculturae Scandinavica, Section A — Animal Science. Vol. 68(1): 1-10. doi:10.1080/09064702. 2018.1543444 | 2018 |
| 8 | Giáo trình Di truyền động vật | Đồng tác giả | NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam | 2018 |
| 9 | Ảnh hưởng của keo dậu và xuyến chi trong khẩu phần ăn tới sinh trưởng, năng suất và chất lượng cảm quan thịt thỏ NewZealand | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi. Tập 21, số 2 | 2013 |
|  | ***Hội thảo, kỷ yếu*** |  |  |  |
| 1 | Use of genomic information to improve accuracy of prediction from group records | Đồng tác giả | In proceedings of the European Federation for Animal Science Annual Meeting 2019, Belgium. doi:10.3920/978-90-8686-890-2 | 2019 |
| 2 | Benefits of using genomic information for broiler breeding program in presence of GxE interactions | Đồng tác giả | In proceedings of the European Federation for Animal Science Annual Meeting 2019, Belgium. doi:10.3920/978-90-8686-890-2 | 2019 |
| 3 | GxE interactions of body weight for broilers raised in bio-secure and commercial environments | Đồng tác giả | In proceedings of the European Federation for Animal Science Annual Meeting 2019, Belgium. doi:10.3920/978-90-8686-890-2 | 2019 |
| 4 | WGBLUP model improves accuracy of breeding values prediction in a commercial line of broilers | Đồng tác giả | In proceedings of the European Federation for Animal Science Annual Meeting 2019, Belgium. doi:10.3920/978-90-8686-890-2 | 2019 |
| 5 | On farm observations to increase genetic gain in breeding schemes for village poultry production | Đồng tác giả | In proceedings of the 11th World Congress on Genetics Applied to Livestock Production, New Zealand | 2018 |
| 6 | Influence of age on variance components for body weight in commercial male and female broiler chicken | Đồng tác giả | In proceedings of the European Federation for Animal Science Annual Meeting 2018, Croatia. doi: 10.3920/978-90-8686-871-1 | 2018 |
| 7 | Benefits of testing birds in both bio-secure and production environment in genomic selection breeding programs for commercial broiler chicken | Đồng tác giả | 10th European Symposium on Poultry Genetics (ESPG), St. Malo, France | 2017 |
| 8 | Comparing methodologies for the in situ and in vitro digestion of forages to indigestible neutral detergent fibre | Đồng tác giả | Kỷ yếu hội nghị Chăn nuôi thú y toàn quốc, Đại học Cần Thơ, Cần Thơ ISBN 978-604-60-2019-6 | 2015 |
| 9 | Feed additives to reduce methane emissions from ruminants | Đồng tác giả | Kỷ yếu hội nghị Chăn nuôi thú y toàn quốc, Đại học Cần Thơ, Cần Thơ ISBN 978-604-60-2019-6 | 2015 |

**13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (nếu có)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên và nội dung văn bằng** | **Năm cấp văn bằng** |
|  |  |  |

**14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | Tên công trình | **Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng** | **Thời gian**  **(*bắt đầu - kết thúc*)** |
|  |  |  |  |

**15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tên đề tài,dự án,nhiệm vụ khác*** | ***Thời gian***  (bắt đầu - kết thúc) | ***Thuộc Chương trình***  (nếu có) | ***Tình trạng đề tài***  (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu) |
| Breeding for feed efficiency and behavior of pigs in groups (Tham gia) | 2020-2021 | GUDP (Green Development and Demonstration Programme), Ministry of Environment and Food of Denmark | Chưa nghiệm thu |
| Paradigm shifts in Danish rainbow trout - implementation of genomic selection (Tham gia) | 2020-2021 | GUDP (Green Development and Demonstration Programme), Ministry of Environment and Food of Denmark | Chưa nghiệm thu |
| Model development using longitudinal phenotypic records and genomic information for GxE in broilers (Tham gia) | 2017-2018 | Funding from Cobb-vantress | Đã nghiệm thu |
| Khả năng sản xuất và năng suất sinh sản của một số giống lợn địa phương và lai địa phương ở một số vùng phía Bắc (Tham gia) | 2012-2013 | Đề tài cấp bộ | Đã nghiệm thu |
| Ảnh hưởng của độc tố keo dậu trong chăn nuôi thỏ (Chủ trì) | 2011-2012 |  | Đã nghiệm thu |

**16. Giải thưởng** (nếu có)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức và nội dung giải thưởng** | **Năm tặng thưởng** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

*Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2020.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của đơn vị**  *(ký tên, đóng dấu)* | *Người khai* (*họ, tên và chữ ký*)  Chu Tuấn Thịnh |